

LỰA CHỌN VÀ SỬ DỤNG CA DAO, TỤC NGỮ VÀO GIẢNG DẠY KIẾN THỨC PHẦN TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN CHO SINH VIÊN

Trịnh Thị Kim Thoa

Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Bài viết tập trung phân tích vai trò của việc sử dụng ca dao, tục ngữ vào giảng dạy một số kiến thức phần triết học Mác – Lênin, từ đó chúng tôi tiến hành xây dựng quy trình và cách thức để lựa chọn, sử dụng ca dao, tục ngữ vào giảng dạy triết học Mác – Lênin cho sinh viên, nhằm mục đích nâng cao hiệu quả giảng dạy triết học Mác - Lênin.

Từ khóa: *Ca dao; tục ngữ; triết học Mác – Lênin; lựa chọn; sử dụng.*

Ngày nhận bài: 23/6/2019; Ngày hoàn thiện: 05/8/2019; Ngày đăng: 23/8/2019

CHOOSING AND USING FOLK SONGS, PROVERBS INTO TEACHING KNOWLEDGE OF THE MARXIST-LENINIST PHILOSOPHY FOR STUDENTS

Trinh Thi Kim Thoa

TNU - Information and Communication Technology

ABSTRACT

This paper focuses on analyzing the role of using folk songs and proverbs to teach some knowledge of Marxist-Leninist philosophy, from which we proceed to build processes and ways to choose and use folk songs, proverbs into teaching Marxist-Leninist philosophy to students, aiming to improve the effectiveness of Marxist-Leninist teaching philosophy.

Keywords: *Folk; proverb; Marxist-Leninist philosophy; select; use.*

Received: 23/6/2019; Revised: 05/8/2019; Published: 23/8/2019

1. Đặt vấn đề

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương 8 khóa XI về: “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” [1]. Hiện nay vấn đề đổi mới phương pháp dạy học, phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh là vấn đề đang được đặc biệt quan tâm. Mỗi giáo viên bằng lòng yêu nghề và kinh nghiệm giảng dạy của mình luôn luôn tìm tòi những phương pháp mới phù hợp với môn học và đối tượng người học để đạt được kết quả dạy – học tốt nhất. Thêm vào đó, việc giảng dạy kiến thức phân triết học Mác – Lênin gặp nhiều khó khăn về độ khó, sự trừu tượng, ít được sinh viên quan tâm, nhiều sinh viên học môn học mang tính chất đối phó. Việc lựa chọn và sử dụng ca dao, tục ngữ vào minh họa trong giảng dạy triết học sẽ làm cho bài giảng trở nên sinh động, có tính thuyết phục cao hơn. Qua đó, khơi dậy niềm say mê học tập cũng như rèn luyện cho sinh viên khả năng liên hệ, phân tích, vận dụng tư tưởng triết học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Nội dung

2.1. Vai trò của ca dao, tục ngữ trong giảng dạy kiến thức phân triết học Mác – Lênin

2.1.1. Khái niệm về ca dao, tục ngữ

Theo Đại từ điển Tiếng Việt: “Ca dao là thể thơ dân gian được lưu truyền dưới dạng những câu hát” [2; tr.165]. Ca dao là bài hát ngắn lưu hành trong dân gian, có vần điệu, được làm theo thể thơ lục hoặc kiểu thơ bốn chữ, thơ năm chữ. Ca dao chủ yếu là những bài thơ được truyền miệng mô tả phong tục, tập quán, về thời tiết, khí hậu, những kinh nghiệm thiên văn học của người xưa.

“Tục ngữ là những câu nói ngắn gọn, có vần điệu, lưu truyền trong dân gian, đúc kết tri thức, kinh nghiệm thực tiễn của con người về tự nhiên, xã hội, cuộc sống, đạo lý ở đời”. [3; tr.1693]

Tục ngữ là “câu nói có ý nghĩa, dễ nhớ vì có vần điệu, lưu hành bằng cách truyền miệng từ người này sang người khác từ nơi này đi nơi khác”. Tục ngữ là những câu nói đúc kết kinh

nhệm của dân gian về mọi mặt như: tự nhiên, lao động sản xuất và xã hội, là những nhận xét giải thích của nhân dân về các hiện tượng của tự nhiên liên quan đến thời tiết, khí hậu.

Ca dao, tục ngữ được hình thành từ cuộc sống thực tiễn, trong sản xuất và đấu tranh của nhân dân, do nhân dân trực tiếp sáng tác nên hết sức ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, có nhịp điệu, có hình ảnh; một số câu ca dao, tục ngữ được rút ra từ tác phẩm văn học dân gian hoặc bằng con đường dân gian hóa với những lời hay ý đẹp.

2.1.2. Vai trò của ca dao, tục ngữ trong giảng dạy kiến thức phân triết học Mác – Lênin

Tục ngữ, ca dao là một kho tàng kinh nghiệm được đúc kết từ ngàn đời nay qua lao động vất vả, qua cuộc đấu tranh quyết liệt với tự nhiên, với xã hội của cha ông ta. Đó là những kinh nghiệm được thể hiện trong quá trình lao động sản xuất; kinh nghiệm về dự báo thời tiết; kinh nghiệm đấu tranh với tự nhiên và xã hội. Từ trong lao động sản xuất, những kinh nghiệm ấy được hình thành và truyền miệng trong dân gian từ thế hệ này sang thế hệ khác. Mỗi câu ca dao - tục ngữ đều mang trong nó những yếu tố của triết học [4] dùng “các hiện tượng cụ thể” để nói lên “ý niệm trừu tượng”, dùng cái “đơn nhất”, cái “cá biệt” để nói lên cái “chung”, cái “phổ biến”. Do đó, mỗi câu ca dao - tục ngữ thường mang trong mình cả nghĩa đen và nghĩa bóng. Nghĩa đen thường phản ánh cái “cụ thể”, cái “cá biệt”, nghĩa bóng thường phản ánh cái “trừu tượng”, cái “phổ biến” [5].

Ca dao - tục ngữ xuất phát từ chính thực tiễn cuộc sống, chứa đựng những cái hay, cái đẹp của cuộc sống con người; đặc biệt là những giá trị truyền thống, đạo lý của dân tộc nên được coi là di sản quý báu trong đời sống tinh thần nhân dân. Tục ngữ, ca dao còn là bài học về cách ứng xử giữa con người với con người trong cộng đồng. Đó là những lời răn dạy con cháu về tình yêu đối với quê hương, đất nước, với thiên nhiên; lời khuyên về cách ứng xử đối với lao động và người lao động. Bằng sự quan sát tài tình về dáng vẻ bên ngoài cũng như hành động của con người tục ngữ, ca dao có thể nói lên đặc điểm tâm lý bên trong cũng như bản chất của con người... Mặc dù ca dao - tục

ngữ chưa phản ánh một cách khái quát và trừu tượng thành những nguyên lí, quy luật, phạm trù về thế giới hiện thực khách quan giống như tri thức triết học nhưng những tri thức đó cũng đem lại cho con người nhiều nội dung khá phong phú như: những quan điểm duy vật, duy tâm về thế giới; quan niệm biện chứng về thế giới, quan niệm về nhân sinh quan, nguồn gốc, bản chất của con người và các mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, xã hội và với chính bản thân con người, ... Ca dao - tục ngữ khi được vận dụng vào bài giảng Triết học nói chung, Triết học Mác - Lênin nói riêng sẽ giúp sinh viên gắn tri thức khái quát, trừu tượng của triết học vào thực tiễn cuộc sống; từ đó, dần hiểu được bản chất của những khái niệm trừu tượng trong triết học... [6].

2.2. Quy trình lựa chọn, sử dụng ca dao, tục ngữ trong giảng dạy triết học Mác - Lênin

2.2.1. Quy trình lựa chọn ca dao, tục ngữ vào giảng dạy triết học Mác - Lênin

Để ca dao, tục ngữ phát huy hiệu quả trong quá trình truyền đạt, người GV nên thực hiện theo các bước như sau:

Một là, trong khi soạn bài, GV phải cân nhắc thật kỹ càng những nội dung mà mình cần đưa vào bài giảng, cần phải khéo léo lồng ghép để làm rõ được nội dung mà mình muốn cho học sinh đạt được.

Hai là, sưu tầm những câu tục ngữ, ca dao có liên quan đến bài dạy.

Ba là, phân tích nội dung câu tục ngữ, ca dao theo nhiều góc độ khác nhau.

Bốn là, lựa chọn câu tục ngữ, ca dao phù hợp nhất với nội dung bài học; phải đảm bảo tính chính xác của những nội dung mà mình cần đưa vào bài dạy.

2.2.2. Một số cách thức lựa chọn, sử dụng ca dao, tục ngữ trong giảng dạy triết học Mác - Lênin

** Lựa chọn những câu ca dao, tục ngữ có sự phù hợp với nội dung bài giảng*

Cùng một phạm trù, quy luật, nguyên lý song có thể có nhiều câu tục ngữ, ca dao cùng phản ánh. Mặt khác, do thời gian học trên lớp có hạn nên yêu cầu giảng viên cần lựa chọn những câu có tính chất điển hình nhất để phân tích, có phê phán, đánh giá đầy đủ sẽ gây

hứng thú cho sinh viên. Ví dụ cùng phản ánh mối liên hệ giữa các sự vật hiện tượng với nhau, có nhiều ca dao - tục ngữ như : “*Nước chảy đá mòn*”. Hay “*Thầy nào tớ ấy*”; “*Rau nào sâu ấy*”; “*Đời cha ăn mặn, đời con khát nước*”; “*Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*”; “*Cả nhà làm quan cả họ được cậy, một người làm bậy cả họ mất nhờ*”, “*Lê tôn Trịnh tại, Lê bại Trịnh vong*”... Trong đó câu “*Cả nhà làm quan cả họ được cậy, một người làm bậy cả họ mất nhờ*” là câu điển hình nhất.

** Lựa chọn thời gian sử dụng các câu ca dao, tục ngữ vào bài học một cách hợp lý*

Tim được câu ca dao, tục ngữ phù hợp với nội dung bài học rồi nhưng vấn đề quan trọng đưa câu ca dao, tục ngữ ấy vào thời gian nào của bài học để mang lại hiệu quả cao nhất lại là một vấn đề mà GV phải hết sức lưu ý. Việc lựa chọn thời gian để đưa ca dao, tục ngữ có thể diễn ra vào những thời điểm như sau:

Một là, sử dụng ca dao, tục ngữ vào phần mở đầu, giới thiệu bài học.

Yêu cầu giới thiệu bài phải ngắn gọn, súc tích, có tính khái quát, tính gợi mở cũng như gây hứng thú đối với SV. Sử dụng ca dao, tục ngữ có tác dụng định hướng đối với quá trình nhận thức của SV.

Ví dụ, minh họa cho bài học về nội dung lý luận nhận thức của triết học Mác - Lênin, GV có thể đưa ca dao vào phần giới thiệu về bài:

*Anh tưởng giếng nước sâu,
Anh nói sợi gầu dài,
Ai ngờ giếng nước cạn,
Anh tiếc hoài sợi dây.*

Nhận thức phải là một quá trình, đôi khi con người mắc phải sai lầm trong nhận thức. Hay khi giới thiệu về tầm quan trọng của sản xuất vật chất, của lao động; con người trong việc tạo ra sản phẩm đáp ứng nhu cầu sinh tồn và phát triển của con người, xã hội loài người, GV có thể đưa câu ca dao sau để giới thiệu bài:

*Có làm thì mới có ăn,
Không dung ai để đem phần đến cho.*

Hai là, sử dụng ca dao, tục ngữ vào phần nội dung bài học để giảng giải những tri thức mới, có nhiều cách thức.

Chẳng hạn, khi giảng về quy luật từ những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất và ngược lại, triết học Mác - Lênin cho

ràng chất là một phạm trù triết học dùng để chỉ những thuộc tính, tính quy định vốn có của sự vật để phân biệt nó với sự vật, hiện tượng khác. Để sinh viên dễ hiểu, giảng viên chỉ cần dẫn một số câu:

*Chẳng chua cũng thể là chanh
Chẳng ngọt cũng thể cam sành chín cây
Chẳng thanh cũng thể hoa lài,
Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An
Chẳng vui cũng thể hội Thầy,
Chẳng trong cũng thể Hồ Tây xứ Đoài*

Chất khác nhau tạo ra sự vật khác nhau, hay sự khác nhau về “chất” giữa các sự vật còn chịu quy định bởi phương thức liên kết giữa các yếu tố cấu thành sự vật:

*Trăng mờ còn tỏ hơn sao,
Dẫu rằng núi nở còn cao hơn đồi
Tối trăng còn hơn sáng sao,
Phon phớt lòng đào hơn thắm màu vang*

“Chất” và “lượng” là hai phạm trù khác nhau nên chúng ta không thể lấy “lượng” để thay thế “chất”, dù “lượng” có gấp bao nhiêu lần chăng nữa:

*“Trăm đom đóm không bằng bó đuốc
Trăm hòm chỉ chẳng đúc lên chuông”.*

Sự biến đổi về “lượng” vượt quá độ sẽ dẫn đến sự thay đổi về “chất” của sự vật, điều này biểu hiện trong ca dao - tục ngữ ở câu: “*Quá mù sang mưa*”; “*Tốt quá hóa lồi*”; “*Mèo già hóa cáo*”; “*Góp gió thành bão, góp cây nên rừng*”; “*Lửa gần rơm lâu ngày cũng bén*”,... Hay ca dao:

*Rượu lạt uống lắm cũng say
Người khôn nói lắm, dẫu hay cũng nhàm
Nắng mưa thì giêng nắng đầy
Anh nắng đi lại, mẹ thầy nắng thương*

Ba là, sử dụng ca dao, tục ngữ vào phần cuối buổi để ôn tập, củng cố tri thức.

Để việc ôn tập có hiệu quả, GV nên kết hợp những cách ôn tập khác với việc sử dụng tục ngữ, ca dao sẽ góp phần đa dạng hoá việc ôn tập tri thức triết học mà xưa nay sinh viên cho là khó, khô khan, trừu tượng.

Ví dụ 1: Dân gian có câu: “*Góp gió thành bão*”. Câu nói đó thể hiện quan niệm:

- Chất của sự vật thay đổi.
- Tích lũy về lượng để thay đổi về chất.
- Lượng của sự vật thay đổi.
- Cả ba đáp án trên.

Ví dụ 2: Hãy tìm ra những câu ca dao, tục ngữ phản ánh quan điểm duy vật, quan điểm duy tâm của ông cha ta trong những câu ca dao, tục ngữ sau:

- Ai là người sinh ra mặt đất?
Ai là người tạo ra bầu trời?
Bà Chày sinh ra mặt đất
Ông Chày sinh ra bầu trời.*
- Ai mà nói dối cùng ai,
Thì trời giáng họa cây khoai giữa đồng.*
- Người sang tại phận.*
- Có thực mới vực được đạo.*
- Khi khó thì chẳng ai nhìn,
Đến khi đỡ trạng chín nghìn anh em.*

Bốn là, sử dụng ca dao, tục ngữ để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV.

GV có thể dùng ca dao, tục ngữ để giao bài tập về nhà, kiểm tra bài cũ và kiểm tra định kỳ. Giáo viên có thể kiểm tra bằng bảng 6 bậc thang đo mức độ nhận thức của Bloom như biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp và đánh giá. Đặc biệt dùng ca dao, tục ngữ rất phù hợp với hình thức tự luận được sử dụng tài liệu. Thông qua hình thức này sẽ phát triển khả năng tổng hợp, phân tích và tư duy phê phán cho sinh viên.

Chẳng hạn, ở mức độ biết, hiểu và phân tích với câu hỏi sau:

Dân gian có câu “*Năng nhặt, chặt bị*”. Câu tục ngữ trên phản ánh quy luật nào của triết học? Tại sao? Hãy rút ra bài học kinh nghiệm trong quá trình học tập và rèn luyện của bản thân mình.

Ở mức độ tổng hợp và đánh giá như:

Ca dao, dân ca Việt Nam có câu:

*Người như cây cảnh trên chùa
Tôi như chim nhạn đỗ nhờ nên chẳng?
Ngày xưa tôi dặn người rằng
Đâu hơn người lầy, đâu bằng đợi tôi*

Hay:

*Em là con gái, em có hai bến sông
Bến đục em chịu, bến trong em chờ*

Các tác giả dân gian đều nhấn mạnh hôn nhân, hạnh phúc là một sự lựa chọn, tính toán của lý trí chứ không phải chỉ xuất phát từ tình cảm, từ nhận thức cảm tính. Bạn có đồng ý với kiến này hay không? Nhận xét của bạn về tình trạng ly hôn ngày càng tăng trong xã hội hiện nay?

* *Kết hợp ca dao, tục ngữ với các phương pháp giảng dạy khác để tăng hiệu quả của việc dạy học triết học*

Trong quá trình giảng dạy, người GV không nên phụ thuộc quá nhiều vào việc trích dẫn ca dao, tục ngữ bởi vì không phải nội dung triết học nào cũng có thể phản ánh được bằng ca dao, tục ngữ hoặc có khi câu ca dao, tục ngữ được lựa chọn chỉ phản ánh một mặt hay một khía cạnh của nội dung triết học mà thôi. Do đó, GV phải kết hợp việc sử dụng tục ngữ, ca dao với các trích dẫn khác, giúp sinh viên độc lập suy nghĩ, tránh nhàm chán và phân tán chú ý. Có thể kết hợp giữa tục ngữ, ca dao, văn thơ với thuyết trình một cách hợp lý để nâng cao hiệu quả dạy học. Hoặc là sử dụng các trò chơi học tập, kỹ thuật động não để kích thích tính tích cực của sinh viên, đồng thời động viên sinh viên mạnh dạn nêu lên quan điểm của mình trong quá trình học tập.

2.3. Lựa chọn tục ngữ, ca dao trong giảng dạy triết học Mác – Lênin

Căn cứ vào những nội dung kiến thức cơ bản của chương trình Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin (kiến thức phần Triết học) dành cho sinh viên hệ cao đẳng, đại học khối không chuyên ngành Mác - Lênin, chúng tôi lựa chọn một số câu ca dao, tục ngữ để đưa vào minh họa phần kiến thức Triết học [7]. Cụ thể như sau:

2.3.1. Sử dụng ca dao, tục ngữ để minh họa cho phần chương 1 chủ nghĩa duy vật biện chứng

Trong chương này, có rất nhiều kiến thức triết học mang tính khái quát và trừu tượng, tuy nhiên cũng mang tính ứng dụng trong cuộc sống hàng ngày.

Chẳng hạn khi giảng về phần chủ nghĩa duy vật, chủ nghĩa duy tâm, GV có thể lựa chọn những câu ca dao, tục ngữ thể hiện những quan điểm duy vật chất phác lý giải nguồn gốc của thế giới:

Ai là người sinh ra mặt đất?

Ai là người tạo ra bầu trời?

Bà Chày sinh ra mặt đất

Ông Chày sinh ra bầu trời

Mặc dù ca dao, tục ngữ chưa lý giải được nguồn gốc của thế giới, song giống như triết học; ca dao, tục ngữ cũng có quan điểm duy vật khi cho rằng thế giới vật chất do sự hòa

hợp, kết hợp giữa hai mặt đối lập khác biệt nam, nữ, âm, dương hợp thành tồn tại khách quan, không do thần linh nào tạo ra, hoàn toàn độc lập với ý thức con người.

Non cao ai đắp mà cao?

Sông kia ai bồi, ai đào mà sâu?

Nước non là nước non trời

Ai ngăn được nước ai dời được sông?

Hay đó là những quan niệm duy tâm về cuộc sống, về số mệnh: “*Người sang tại phận*”; “*Có số làm quan*”; “*Không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời*”; “*Cây khô thì lá cũng khô/ Phận nghèo đi đến nơi mô cũng nghèo*”; “*Một khoáy sống lâu, hai khoáy trọc đầu, ba khoáy chóng chết*”; “*Chớ đi ngày bảy, chớ về ngày ba*”; “*Tử sinh hữu mệnh, phú quý tại thiên*”; “*Trăm đường tránh chẳng khỏi số*”; “*Số giàu tay trắng cũng giàu, số nghèo chín đụn mười trâu cũng nghèo*”...

Hoặc khi giảng về phần quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức, chủ nghĩa duy vật cho rằng vật chất quyết định ý thức nhưng ý thức cũng có thể tác động lại vật chất thông qua hoạt động có ý thức của con người, GV có thể sử dụng những câu mang tính chất điển hình như: “*Có thực mới vực được đạo*”; “*Phú quý sinh lễ nghĩa*”;... Mọi hành động đều phải xuất phát từ thực tế khách quan: “*Nhập giang tùy khúc/ Nhập gia tùy tục*”.

2.3.2. Sử dụng ca dao, tục ngữ để minh họa cho phần chương 2 phép biện chứng duy vật

Bên cạnh giảng giải những phần lý thuyết liên quan tới nội dung của chương 2 như các nguyên lý, quy luật, cặp phạm trù và phần lý luận nhận thức của phép biện chứng duy vật, chúng tôi còn lựa chọn những câu ca dao, tục ngữ để minh họa cho những kiến thức phần học này.

* *Sử dụng ca dao, tục ngữ để minh họa phần các nguyên lý, quy luật, cặp phạm trù triết học*

Khi giảng về nguyên lý mối liên hệ phổ biến của phép biện chứng duy vật, Triết học Mác - Lênin khẳng định các sự vật, hiện tượng đều có mối liên hệ với nhau. Trong thế giới không có sự vật, hiện tượng nào tồn tại độc lập, tách rời nhau; giữa chúng luôn có sự tác động qua lại, ảnh hưởng và chi phối lẫn nhau, nên khi nghiên cứu sự vật phải đặt nó trong sự thống nhất biện chứng của thế giới.

Vì sương nên núi bạc đầu

Cây lay bởi gió, hoa sầu bởi mưa

Hay “Rút dây động rừng”; “Há miệng mắc quai”; “Thầy nào tớ ấy”; “Rau nào sâu ấy”; “Đời cha ăn mặn, đời con khát nước”, “Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài” ...

Sự vật, hiện tượng luôn nằm trong quá trình vận động, phát triển. Quá trình vận động, phát triển luôn mang tính khách quan, tính phổ biến và tính đa dạng phong phú. Ca dao, tục ngữ cũng nói tới các tính chất này của sự phát triển: “Tre già măng mọc”, “Con hơn cha là nhà có phúc”, “Có chí thì nên”, ...

Việc lựa chọn và sử dụng ca dao - tục ngữ về các cặp phạm trù triết học giúp sinh viên nắm được ý nghĩa của các câu ca dao, tục ngữ mà các em hay dùng hàng ngày nhưng có khi lại không hiểu hết ý nghĩa của nó đồng thời hiểu được bản chất của các cặp phạm trù triết học, từng bước nắm vững tri thức cơ bản của Triết học một cách nhẹ nhàng, từ đó sẽ nâng cao ý thức học tập Triết học Mác - Lênin tự giác, tích cực hơn.

Về cặp phạm trù bản chất và hiện tượng, tục ngữ, ca dao nói đến ở các phương diện khác nhau, rất thực tế và linh hoạt. Bản chất bao giờ cũng bộc lộ qua hiện tượng: “Người khôn dôn ra mắt”, “Khôn ngoan hiện ra nét mặt, què quặt hiện ra chân tay”. Có thể căn cứ vào hiện tượng để kết luận về bản chất sự vật: “Nửa trôi sông chẳng giập thì gãy, gái chồng rầy chẳng chứng nọ cũng tật kia”. Hiện tượng khác nhau nhưng bản chất chỉ là một: “Khác lọ cùng một nước”. Cái hình thức thì dễ thấy nhưng cái nội dung thì khó mà thấy: “Họa hổ họa bì nan họa cốt, tri nhân tri diện bất tri tâm”. Phải cảnh giác với những hiện tượng xuyên tạc bản chất: “Thủ thi nhưng mà quỷ ma”, “Tắm ngấm tâm ngấm mà dâm chết voi”, ... Hoặc ca dao:

Ngoài thì thon thớt nói cười

Bên trong nham hiểm giết người không dao

Về cặp phạm trù nguyên nhân và kết quả: “Không có lửa sao có khói”, “Gieo gió gặt bão”, “Trèo cao ngã đau”, “Nguồn đục dòng cũng đục”, “Thế gian chẳng ít thì nhiều, không dung ai để đặt điều cho ai” ...

Về cặp phạm trù cái riêng và cái chung trong tục ngữ được thể hiện như là sự gắn bó và

phân biệt giữa cá thể và loài trong thế giới sinh vật: “Thân chim cũng như thân cò”, “Lòng vả cũng như lòng sung, một trăm con lợn cũng chung một lòng”, “Sống mỗi người mỗi nét, chết mỗi người mỗi tật” ...

Khi giảng về các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật, các giáo viên cần lưu ý SV rằng trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam, từ xa xưa ông cha ta từ kinh nghiệm lao động thực tiễn đã rút ra những triết lý ca dao, tục ngữ thể hiện nội dung của 3 quy luật mà triết học Mác - Lênin đề cập tới. Sự khác biệt có chăng chỉ là triết học Mác - Lênin gọi được tên rành rọt của 3 quy luật này mà thôi. Chẳng hạn, khi giảng về quy luật phủ định của phủ định, triết học Mác - Lênin khẳng định sự vật trong quá trình phát triển là sự thay thế lẫn nhau của sự vật này bằng sự vật khác, sự vật hiện tượng được thực hiện bằng hai lần phủ định trở nên và trong quá trình phủ định biện chứng, sự vật luôn mang tính khách quan và kế thừa: “Sinh, lão, bệnh, tử”; “Nước chảy đá mòn”, “Tre già măng mọc”, “Không có lửa sao có khói”, “Con nhà tông chẳng giống lông cũng giống cánh”; “Cha nào con nấy”; “Gió nhà ai quai nhà nấy” ... Hoặc ca dao:

*Trứng rồng lại nở ra rồng
Liu điu lại nở ra dòng liu điu
Con vua thì lại làm vua
Con sãi ở chùa thì quét lá đa
Bao giờ dân nổi can qua
Con vua thất thế lại ra quét chùa.*

* *Minh họa phân lý luận nhận thức của phép biện chứng duy vật*

Phép biện chứng duy vật khẳng định nhận thức là một quá trình quá trình phản ánh năng động, sáng tạo thế giới khách quan vào đầu óc con người; nhận thức phải xuất phát từ thực tiễn. Thực tiễn đóng vai trò là nguồn gốc, cơ sở, động lực, là tiêu chuẩn để kiểm tra nhận thức. Quá trình nhận thức bao giờ cũng bắt đầu từ trực quan sinh động (nhận thức cảm tính) đến tư duy trừu tượng (nhận thức lý tính) và từ tư duy trừu tượng đi đến thực tiễn. Ca dao, tục ngữ Việt Nam là kết quả lao động sáng tạo, thể hiện những triết lý sâu sắc được đúc rút từ thực tiễn của cha ông ta, cũng tuân theo con đường nhận thức mà triết học Mác - Lênin vạch ra: “Lửa thử vàng, gian nan thử đức”; “Có gió rung mới biết từng bách cứng, có ngọn lửa hừng mới biết thức vàng cao”;

“Xem trong bếp, biết nét đàn bà”; *“Cây xanh thì lá cũng xanh, cha mẹ hiền lành để đức cho con”*; *“Cha anh hùng, con hảo hán”*; *“Nửa trời sông chẳng gặp thì gãy, gái chồng rầy chẳng chứng nọ thì tật kia”*.

Do chưa có khoa học kỹ thuật nên các yếu tố về thời tiết, khí hậu có ảnh hưởng rất lớn đến nhận thức, cuộc sống của người dân. Vì thế, những kinh nghiệm được đúc kết trong ca dao, tục ngữ về thời tiết rất có giá trị trong việc giúp con người tự làm chủ cuộc sống và lao động sản xuất của mình: *“Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa”*; *“Mau sao thì nắng, vắng sao thì mưa”*; *“Tháng bảy heo may chuồn chuồn bay thì bão”*; *“Đầu năm sương muối, cuối năm gió nồm”*, hay *“Mây kéo xuống bể thì nắng chang chang/ Mây kéo lên ngàn thì mưa như trút”*...

Thông qua thực tiễn, con người rút ra được kinh nghiệm về mùa vụ:

*Tháng giêng là tháng ăn chơi
Tháng hai trồng đậu trồng khoai trồng cà
Tháng ba thì đậu đã già
Ta đi ta hái về nhà phơi khô
Tháng tư đi tậu trâu bò
Để ta sắm sửa làm mùa tháng năm*

Cũng từ thực tiễn sản xuất, ông cha ta đã tổng kết: *“Nhất canh trì, nhị canh viên, tam canh điền”*; *“Nuôi lợn ba năm không bằng chăn tằm một lứa”*... Trong thâm canh sản xuất, bốn yếu tố quan trọng để có mùa màng bội thu được cha ông đúc kết trong câu tục ngữ: *“Nhất nước, nhị phân, tam cần, tứ giống”* - một bài học rất đơn giản, dễ hiểu nhưng lại chứa đựng những tri thức quý báu về sản xuất nông nghiệp.

2.3.3. Sử dụng ca dao, tục ngữ để minh họa cho phần chương 3 chủ nghĩa duy vật lịch sử

Chủ nghĩa duy vật lịch sử là một trong hai phát minh vĩ đại của Mác. Ph.Ăngghen viết: *“Giống như Đacuyn đã tìm ra quy luật phát triển của thế giới hữu cơ, Mác đã tìm ra quy luật phát triển của lịch sử loài người: cái sự thật giản đơn đã bị những tầng tầng lớp lớp những tư tưởng phủ kín cho đến ngày nay là: con người trước hết cần phải ăn, uống, chỗ ở và mặc đã rồi mới có thể làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo và v.v. được”* [8, tr. 499]. Do đó, khi đi nghiên cứu chủ nghĩa duy vật lịch sử, Mác bắt đầu từ những nhu cầu thiết yếu nhất của con người: Ăn, mặc, ở. Trong đó, ăn là nhu cầu hàng đầu: *“Mẽ không*

ăn cũng chết”; *“Có thực mới vực được đạo”*. Sau ăn là mặc: *“Bụng được no còn lo ấm cập”*. Về cái mặc, lúc này mặc không chỉ là nhu cầu “che thân” cho “ấm cập” mà nó trở thành nhu cầu thẩm mỹ, làm tôn thêm vẻ đẹp cho con người: *“Người đẹp vì lụa, lúa tốt vì phân”*. Tuy nhiên, con người là động vật có ý thức nên cái ăn, cái mặc đối với con người cũng phải có điều độ: *“Cơm ba bát, áo ba manh/Đói không xanh, rét không chết”*. Và cho dù có nghèo đói thì con người vẫn giữ cái nét đẹp văn hoá cho mình: *“Đói cho sạch, rách cho thơm”* bởi vì người ta ý thức được rằng *“Hơn nhau manh áo tám quần/Cởi ra ai cũng mình trần như ai”*.

Con người muốn tồn tại được trong xã hội phải lao động sản xuất để kiếm sống. Ca dao, tục ngữ khẳng định vai trò to lớn của lao động đối với cuộc sống con người: *“Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ”*; *“Muốn no thì phải chăm làm/Một hột thóc vàng, chín hột mồ hôi”*; *“Khen nét hay làm ai khen nét hay ăn”*; *“Có vất vả mới thanh nhàn/ Không dung ai dễ cầm tàn che cho”*; *“Số giàu đưa đến dưng dưng/ Lọ là con mắt tráo trung mới giàu”*; *“Có làm thì mới có ăn/ Không dung ai để đem phân đến cho”*.

Để lao động kiếm sống, con người cần sử dụng công cụ lao động – yếu tố động nhất, cách mạng nhất trong lực lượng sản xuất. Thông qua quá trình lao động sản xuất mà con người đã đúc kết được những kinh nghiệm để tạo ra những công cụ lao động phù hợp với từng công việc của mình: *“Gỗ kền anh để đóng cày/ Gỗ lim, gỗ sến, anh nay đóng bừa...”*. Trong quá trình lao động sản xuất, con người luôn tìm cách cải tiến công cụ lao động để nâng cao năng suất lao động:

*Răng bừa tám cái còn thưa
Lưỡi cày tám tác đã vừa luống to
Muốn cho lúa này bông to
Cày sâu, bừa kỹ, phân tro cho nhiều...*

Trong tác phẩm Tục ngữ Việt Nam của Chu Xuân Diên [9] có tất cả 4.160 câu tục ngữ thì có tới 535 câu, (chiếm 12,9 %) đề cập đến giới tự nhiên. Điều ấy cho thấy, người Việt Nam rất xem trọng tự nhiên và mối quan hệ với giới tự nhiên [10], nhất là trong điều kiện người Việt Nam chủ yếu canh tác nông nghiệp lúa nước nên việc sinh sống và sản xuất phụ thuộc phần lớn vào tự nhiên, do tự nhiên quyết định:

*Người ta đi cấy lấy công,
Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề
Trông trời trông đất, trông mây,
Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm.
Trông cho chân cứng đá mềm,
Trời êm bể lặng mới yên tâm lòng*

Thậm chí, năng suất, hiệu quả của nền sản xuất còn phụ thuộc cả vào số ngày trong một tháng: “*Thiếu tháng hai mất cà, thiếu tháng ba mất đỗ*”. Mặc dù phụ thuộc vào thiên nhiên nhưng con người bằng những tri thức của mình vẫn có thể chinh phục tự nhiên, bắt tự nhiên phục vụ cuộc sống của mình. Chẳng hạn, họ căn cứ vào thời tiết nắng, mưa để sắp xếp công việc sao cho phù hợp: “*Bao giờ đơm đóm bay ra/ Hoa gạo rụng xuống thì tra hạt vừng*”; “*Nắng sớm thì đi trồng cà, mưa sớm thì ở nhà phơi thóc*”; “*Trông trâu đắp nắm cho cao/Che cho sương nắng khỏi vào gốc cây*”; “*Mông tám tháng tám không mưa/Bỏ cả cây bừa mà nhổ lúa đi*”;...

Trong lao động, thông qua giao tiếp, con người đã tạo nên các mối quan hệ xã hội: “*Lời chào cao hơn mâm cỗ*”; “*Lời nói chẳng mất tiền mua/Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau*”.

Trong quan điểm của triết học Mác – Lênin, bản chất của con người được coi là “tổng hòa của các mối quan hệ”. Mỗi con người vừa là một cá nhân cụ thể song họ sống trong xã hội và mang bản chất của xã hội. Mỗi người sinh ra đều có nòi giống, tổ tiên, có gia đình, làng xóm. Có thể nói dân tộc Việt Nam là dân tộc có ý thức hết sức sâu sắc về nòi giống của mình. Câu chuyện thần thoại Lạc Long Quân, Âu Cơ là niềm tự hào của người Việt Nam hàng ngàn năm nay. Khi nói tới nguồn gốc của dân tộc, mỗi người Việt Nam lại tự hào về nguồn gốc “con Rồng cháu Tiên” và hai tiếng đồng bào trở nên gần gũi, thân quen. Chính ý thức về giống nòi đã khơi nguồn cho ý thức về quốc gia, ý thức của dân tộc: “*Dù ai đi ngược về xuôi/ Nhớ ngày giỗ tổ mùng Mười tháng Ba*”, “*Nhiều điều phải lấy giá gương/ Người trong một nước phải thương nhau cùng*”, “*Đài Nghiên tháp Bút chưa mòn/ Hỏi ai gây dựng nên non nước này*”... Xuất phát từ tình cảm đồng bào, nòi giống đã mở rộng thành tâm lòng đùm bọc lẫn nhau của người Việt Nam ở khắp mọi miền đất nước:

*Rồng cháu ngoài Huế
Ngựa tể Đông Nai!*

*Nước sông sao lại chảy hoài
Thương người xa xứ lạc loài đến đây
Đến đây thì ở lại đây
Bao giờ bén rễ xanh cây hãy về.*

Tình cảm của người Việt Nam còn được nâng lên thành tình yêu thương con người, yêu thương đồng loại: “*Bầu ơi thương lấy bí cùng/ Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn*”, “*Thương người như thể thương thân*”, “*Lá lành đùm lá rách*”.

3. Kết luận

Tục ngữ, ca dao là một kho tàng kinh nghiệm được đúc kết từ ngàn đời nay của ông cha ta. Với đặc điểm dễ nhớ, dễ hiểu và dễ đi vào lòng người, GV có thể sử dụng ca dao, tục ngữ vào minh họa một số kiến thức triết học Mác – Lênin được cho là khó và trừu tượng đối với sinh viên. Tác giả cũng đã phác họa quy trình cũng như cách thức lựa chọn và sử dụng ca dao, tục ngữ vào giảng dạy kiến thức phần triết học Mác – Lênin cho sinh viên, thông qua đó góp phần khơi dậy niềm say mê học tập môn học, tăng cường khả năng liên hệ, phân tích, vận dụng tư tưởng triết học vào thực tiễn cuộc sống cho sinh viên.

Lời cảm ơn

Bài báo là sản phẩm của đề tài nghiên cứu khoa học có mã số T2019 – 07 - 14 do trường ĐH CNTT & TT, Đại học Thái Nguyên tài trợ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2013.
- [2], [3]. Nguyễn Như Ý (chủ biên), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb ĐH Quốc gia TP.HCM, 2011.
- [4]. Vũ Hùng, “Tìm hiểu những yếu tố triết học (hay triết lý dân gian) trong tục ngữ Việt Nam”, *Tạp chí triết học*, 2006.
- [5],[6]. Hoàng Thúc Lân, “Nâng cao chất lượng dạy và học triết học Mác – Lênin qua việc vận dụng ca dao - tục ngữ cho sinh viên hiện nay”, *Bản tin trường ĐH Sư phạm Hà Nội*, 2017.
- [7]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.
- [8]. C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, Tập 19, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.
- [9]. Chu Xuân Diên, Lương Văn Đăng, Phương Tri, *Tục ngữ Việt Nam*, Nxb KHXH, Hà Nội, 1975.
- [10]. Bùi Văn Dũng, “Triết lý về mối quan hệ giữa con người và giới tự nhiên trong tục ngữ Việt Nam”, *Tạp chí KHXH Việt Nam*, số 5(78), 2014.